BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ QUỐC DÂN

Số: 1583 /QĐ-ĐHKTQD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình định hướng nghề nghiệp Quản trị kinh doanh thương mại (POHE), ngành Kinh doanh thương mại, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 5 chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp (POHE) áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp Quản trị kinh doanh thương mại (POHE), ngành Kinh doanh thương mại, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình định hướng nghề nghiệp (POHE), Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT (để thông báo)
- V.TM&KTQT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

PGS.TS Phạm Hồng Chương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình POHE)

(Ban hành theo Quyết định số 1583 ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)

***Ngành*: KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

***Major*: Commercial Business**

CHƯƠNG TRÌNH POHE QUẢN TRỊ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

***Program*: Commercial Business Management**

***Mã ngành (Code of Major)*: 7340121**

***Hệ*: CHÍNH QUY**

***Type of Education*: Full-time**

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE 1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES ... 2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA 4
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT 4
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 4
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ 5
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY 5
7.1. Cấu trúc kiến thức 5
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến) 6
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION 10

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN KINH DOANH THƯƠNG MẠI (BACHELOR OF COMMERCIAL BUSINESS) POHE PROGRAM
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	**KINH DOANH THƯƠNG MẠI** (COMMERCIAL BUSINESS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340121
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại định hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh thương mại ở doanh nghiệp trong nước và quốc tế; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; có năng lực làm việc trong môi trường hội nhập và đa văn hóa. Kiến thức chuyên môn về kinh doanh thương mại được gắn với hoạt động nghề nghiệp trong môi trường trải nghiệm thực tiễn.

Chương trình đào tạo POHE ngành Kinh doanh Thương mại, chuyên sâu Quản trị kinh doanh thương mại trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh thương mại như kinh doanh thương mại, tổ chức hoạt động thương mại, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, chiến lược kinh doanh, giao dịch và đàm phán kinh doanh. Bên cạnh đó, người học còn được cung cấp cơ hội thực hành và vận dụng kiến thức, kỹ năng tại các doanh nghiệp, qua đó trải nghiệm và nắm vững kiến thức về quản trị kinh doanh thương mại được ứng dụng trong thực tiễn hiện nay. Khi tốt nghiệp, người học có thể nhanh chóng hòa nhập với thực tiễn để thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực nghề nghiệp kinh doanh thương mại tại các doanh nghiệp/tổ chức kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân POHE Quản trị kinh doanh thương mại làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam và quốc tế; các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng về kinh tế và quản trị kinh doanh. Cụ thể, sinh viên ra trường có thể giữ những vị trí sau: Làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ trong và ngoài nước; Đại diện thương mại tại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế; Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực thương mại tại các cơ sở đào tạo vào nghiên cứu; Tự thành lập doanh nghiệp, tự tổ chức kinh doanh. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân POHE Quản trị kinh doanh thương mại đủ điều kiện để tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng POHE ngành Kinh doanh Thương mại chuyên sâu Quản trị kinh doanh thương mại, sinh viên có khả năng:

PLO1. Kiến thức nền tảng (Functional Knowledge): Sinh viên có hiểu biết các lý thuyết về kinh tế, quản lý và kinh doanh thương mại, hiểu biết các chức năng và nguyên lý hoạt động cơ bản của một tổ chức. Sinh viên có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức nền tảng để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh thương mại.

PLO2. Môi trường trong nước và môi trường toàn cầu (The domestics and global environment):

- Sinh viên có hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế và tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh đến hoạt động quản trị kinh doanh thương mại của doanh nghiệp.

- Sinh viên có nhận thức và hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và có khả năng lĩnh hội và vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn công việc.

- Sinh viên có hiểu biết về pháp luật nói chung, pháp luật về kinh doanh và quản trị kinh doanh thương mại nói riêng và có khả năng vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống.

PLO3. Kỹ năng phân tích (Technical skills):

- Sinh viên hiểu được các quy luật trong kinh tế và quản trị kinh doanh, hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra các quyết định liên quan đến các hoạt động quản trị kinh doanh thương mại.

- Sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng về công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn, tìm kiếm thông tin, phân tích và xử lý thông tin, tổng hợp báo cáo, phân tích thực trạng và giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh thương mại.

PLO4. Tích hợp (Intergrative Areas): Sinh viên có khả năng tích hợp các kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh, luật, thương mại, tài chính và các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh thương mại để phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân, giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh thương mại.

PLO5. Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills): Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm trong giao tiếp cá nhân và tổ chức với các hình thức giao tiếp khác nhau (trực tiếp, gián tiếp qua văn bản, thiết bị, phương tiện trao đổi thông tin…); có khả năng thuyết trình chuyên môn, có kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh thương mại cả bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh.

PLO6. Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills): Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường làm việc đa văn hóa, hội nhập và nhiều sức ép. Sinh viên có kỹ năng và thái độ làm việc tích cực, hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp và tổ chức.

PLO7. Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Sinh viên có khă năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn công việc quản trị kinh doanh thương mại.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân ngành chuyên sâu Quản trị Kinh doanh thương mại phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 131 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình POHE nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định tuyển chọn vào Chương trình POHE.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- Thời gian đào tạo (theo thiết kế) là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập.
- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình POHE. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 131 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.
- **Thời gian đào tạo** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực hành, thực tập.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình POHE.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú	So Sánh CTĐT K61-K62
1. Kiến thức giáo dục đại cương	**47**		
1.1. Các học phần chung	11	Lý luận chính trị	
	12	Ngoại ngữ	
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP	
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**84**		

2.1. Kiến thức cơ sở ngành	**15**	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành	
2.2. Kiến thức ngành	**48**		
2.2.1. Các học phần bắt buộc	39		
2.2.2. Các học phần tự chọn	09	SV tự chọn 9 tín chỉ (3 học phần)	
2.3. Kiến thức chuyên sâu	**9**	SV tự chọn 9 tín chỉ (3 học phần)	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	**12**		
TỔNG SỐ	**131**	Không kể GDQP&AN và GDTC	

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Module	Học kỳ *Semester*							
							1	2	3	4	5	6	7	8
	1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**50**		**47**								
	1.1. Các học phần chung			**23**		**23**								
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin *Marxist-Leninist philosophy*	3	Tiếng Việt	3	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin *Political economics of marxism and leninism*	2	Tiếng Việt	2		2						
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific socialism*	2	Tiếng Việt	2		2						
4	4	LLLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Vietnam Communist Party History*	2	Tiếng Việt	2			2					
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh Ideology*	2	Tiếng Việt	2			2					
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại Ngữ *Foreign Language*	12	Tiếng Việt	12	4	8						
		GDTC	Giáo dục thể chất *Physical Education*	x	Tiếng Việt	x	x	x	x	x				
		QPCT1101 QPCT1102	Giáo dục quốc phòng / *Military Education* Công tác quốc phòng an ninh/ *Introduction to the National Defense*	x	Tiếng Việt	x			x					

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Module	Học kỳ *Semester*							
							1	2	3	4	5	6	7	8
		QPDL1103 QPDL1104 QPDL1105	Quân sự chung/ *General Military Education* Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ *Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense* Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ *Stragegy and Technique of Shooting AK*											
	1.2. Các học phần bắt buộc của Trường			**12**										
7	1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 *Microeconomics 1*	3	Tiếng Anh	3	3							
8	2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 *Macroeconomics 1*	3	Tiếng Anh	3		3						
9	3	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế *Mathematics for Economics*	3	Tiếng Việt	2	3							
10	4	LUCS1129	Pháp luật đại cương *Fundamentals of Laws*	3	Tiếng Việt	7	3							
	1.3. Các học phần của ngành			**12**										
11	1	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh 1 *Business Management 1*	3	Tiếng Anh	5		3						
12	2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh *Statistics for Economics and Business*	3	Tiếng Việt	2			3					
13	3	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán *Accounting Principles*	3	Tiếng Anh	5			3					
14	4	MKMA1104E	Marketing căn bản *Principles of Marketing*	3	Tiếng Anh	5			3					
	2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**84**										
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**15**										
15	1	QTKD1132E	Quản trị chiến lược *Strategic Management*	3	Tiếng Anh	5				3				
16	2	NHTC1102	Quản trị tài chính *Financial Management*	3	Tiếng Việt	5				3				
17	3	TMQT1119	Thương mại quốc tế 1 *International Trade 1*	3	Tiếng Việt	6			3					
18	4	TMKT1115E	Kinh doanh Thương mại *Commercial Business*	3	Tiếng Anh	8			3					
19	5	NLQT1103	Quản trị nhân lực *Human Resource Management*	3	Tiếng Việt	5			3					
	2.2. Kiến thức ngành			**48**										
	2.2.1. Các học phần bắt buộc			**39**										
20	1	TMKT1109	Kinh tế Thương mại	3	Tiếng Việt	6				3				

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Module	Học kỳ *Semester*							
							1	2	3	4	5	6	7	8
			Trade Economics											
21	2	TMKT1112	Quản trị doanh nghiệp thương mại 1 *Commercial Enterprise Management* 1	3	Tiếng Việt	8					3			
22	3	TMKT1101E	Giao dịch và đàm phán kinh doanh *Business Communication and Negotiation*	3	Tiếng Anh	8				3				
23	4	TMQT1107	Kinh tế Hải quan Customs Economics	3	Tiếng Việt	6				3				
24	5	TMKD1101E	Kinh doanh quốc tế *International Business*	3	Tiếng Anh	8			3					
25	6	POHE TMQT1118E	Thương mại điện tử (*) *Electronic Commerce*	3	Tiếng Anh	8					3			
26	7	POHE TMQT1108	Thanh toán Thương mại quốc tế(*) *International Trade Payment*	3	Tiếng Việt	9						3		
27	8	TMKT1104E	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại *Business Strategy of Commercial Enterprise*	3	Tiếng Anh	8						3		
28	9	POHE TMQT1113	Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu (*) *Import-Export Practice*	3	Tiếng Việt	9					3			
29	10	POHE TMKT1116E	Kinh doanh Logistics (*) *Logistics business*	3	Tiếng Anh	8					3			
30	11	POHE TMKT1121	Tiếng Anh chuyên ngành thương mại 1 *English for Commerce 1*	3	Tiếng Anh	4			3					
31	12	POHE TMKT1122	Tiếng Anh chuyên ngành thương mại 2 *English for Commerce 2*	3	Tiếng Anh	4				3				
32	13	POHE TMKT1133	Đề án ngành (chuyên sâu về Quản trị kinh doanh thương mại) (*) *Major Research Paper*	3	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	10						3		
	2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành **(SV tự chọn 03 học phần trong tổ hợp sau)**			**9**										
33-35	1	TMKQ1107E	Hội nhập kinh tế quốc tế *International Economic Integration*	3	Tiếng Anh	6					3			
	2	TMKT1140E	Chuyên đề Quản trị có trách nhiệm	3	Tiếng Anh	8					3			

TT *No.*	TT tổ hợp	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*	Module	Học kỳ *Semester*							
							1	2	3	4	5	6	7	8
			Topic: Responsible Management											
-	3	TMKD1123E	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế *Global Supply Chain Management*	3	Tiếng Anh	8					3			
	4	LUKD1196	Luật Thương mại *Commercial Law*	3	Tiếng Việt	7				3				
	5	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý *Management Information Systems*	3	Tiếng Việt	2				3				
	6	TMKT1141	Quản lý thị trường *Market Surveillance*	3	Tiếng Việt	6					3			
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 03 học phần trong tổ hợp sau)			**9**										
36-38	1	POHE TMKT1014	Thương mại doanh nghiệp (*) *Enterprise's Commerce*	3	Tiếng Việt	9					3			
	2	POHE TMKE1113	Quản trị doanh nghiệp thương mại 2(*) *Commercial Enterprise Management 2*	3	Tiếng Việt	8						3		
	3	TMQT1124	Nghiệp vụ Hải quan *Customs Practices*	3	Tiếng Việt	9							3	
	4	TMKT1145E	Quản trị vận tải đa phương thức *Multimodal Transport Management*	3	Tiếng Anh	9							3	
	5	POHE TMKT1107	Định mức kinh tế kỹ thuật (*) *Economic and Techninal Standards for Enterprises*	3	Tiếng Việt	9						3		
	6	TMKT1126	Chuyên đề: Marketing Thương mại *Topic: Commercial Marketing*	3	Tiếng Việt	8						3		
	2.4. *Thực tập và báo cáo tốt nghiệp*			**12**										
39	1	POHE TMKT1148	Thực tập 1: Thực hành tìm hiểu Môi trường kinh doanh thương mại (*) (5 tuần) *Internship 1*	4	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	10					4			
40	2	POHE TMKT1149	Thực tập 2: Khoá luận Tốt nghiệp POHE Quản trị kinh doanh thương mại (*) (10 tuần) *Internship 2: Graduation Thesis POHE Commercial Business Management*	8	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	10								8
			Tổng số TC toàn khóa	**131**										

Ghi chú: *(*):Những môn có thực hành, thực tế và sự tham gia giảng dạy của GV từ cơ quan thực tiễn (1TC thực hành).*

Module 1: Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh

Module 2: Toán – Tin

Module 3: Kinh tế học

Module 4: Ngoại ngữ

Module 5: Kiến thức cơ sở về kinh doanh và quản trị

Module 6: Kinh tế và quản lý

Module 7: Luật

Module 8: Kiến thức về Quản trị kinh doanh thương mại

Module 9: Nghiệp vụ Quản trị kinh doanh thương mại

Module 10: Đề án, thực tập Quản trị kinh doanh thương mại

Danh sách các học phần có giảng dạy thực hành, thực tế

STT	Mã học phần *Code*	Học phần *Courses*	Tín chỉ *Credits*	Ngôn ngữ giảng *Teaching languages*
1	POHE TMQT1118E	Thương mại điện tử (*) *Electronic Commerce*	3	Tiếng Việt
2	POHE TMQT1108	Thanh toán Thương mại quốc tế(*) *International Trade Payment*	3	Tiếng Việt
3	POHE TMQT1113	Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu (*) *Import-Export Practice*	3	Tiếng Việt
4	POHE TMKT1133	Đề án ngành Kinh doanh Thương mại (chuyên sâu về Quản trị kinh doanh thương mại) (*) *Major Research Paper*	3	Tiếng Việt
5	POHE TMKT1116E	Kinh doanh Logistics (*) *Logistics business*	3	Tiếng Việt
6	POHE TMKT1014	Thương mại doanh nghiệp (*) *Enterprise's Commerce*	3	Tiếng Việt
7	POHE TMKT1107	Định mức kinh tế kỹ thuật (*) *Economic and Techninal Standards for Enterprises*	3	Tiếng Việt

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý

thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG	**HIỆU TRƯỞNG**
	TRƯỜNG ĐH. KINH TẾ QUỐC DÂN
PGS.TS. Tạ Văn Lợi	**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**